TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2019.
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy; bà Trần Thị Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại nhà văn hóa khu N, TT N, N, Hải Dương, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Anh Trần Thế D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Q, A, N, Hải Dương; Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: T, N, N, Hải Dương; Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Trung H, sinh năm 1974; chị Dương Thị T, sinh năm 1974; Đều có địa chỉ: T, N, N, Hải Dương; Vắng mặt.

Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1979; chị Đỗ Thị T2, sinh năm 1985; Đều có địa chỉ: T, N, N, Hải Dương; Vắng mặt.

Chị Trần Thị H1, sinh năm 1979; anh Bùi Khánh T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: T, N, N, Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Trần Thế D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 9/11/1988 anh và chị H tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của dân tộc và chung sống cùng nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó UBND xã A đã nhiều lần thông báo yêu cầu anh chị đến đăng ký kết hôn, nhưng do mải đi làm ăn, nhận thức pháp luật hạn chế nên anh chị đã không đến UBND xã để đăng ký kết hôn. Quá trình anh và chị H chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế và nợ nần tiền làm nhà. Tháng 5/2017 anh và chị H sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, đến nay anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được cùng chị H nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Trần Thế H2, sinh ngày 14/9/1989 và Trần Thế H3, sinh ngày 09/07/1992. Hiện nay cả hai con chung đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung của anh và chị H bao gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 251 tại T, N, N, Hải Dương, tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 3 tầng. Và phân chia các khoản nợ: Nợ tiền sơn của anh Nguyễn Huy V, chị Đỗ Thị T2 số tiền 40.000.000đ, nợ anh Trần Trung H, chị Dương Thị T số tiền 100.000.000đ, nợ chị Trần Thị H1, anh Bùi Khánh T1 số tiền 35.000.000đ. Ngày 13/6/2019 anh đã rút toàn bộ yêu cầu về tài sản chung và nợ chung như nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này vì anh chị H sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh D tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau từ năm 1988, do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh chị không đăng ký kết hôn, đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu khi mới chung sống chị và anh D làm nông nghiệp và lao động tự do tại địa phương, năm 2003 chị đi lao động ở Đài Loan đến năm 2016 về nước. Thời gian chị đi làm xa nhà vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D ở nhà không tu chí làm ăn, chơi bời, có quan hệ bất chính với người khác, chị gửi tiền về anh D chi tiêu, phá phách hết. Tháng 9/2016 chị về nước và chấp nhận bỏ qua mọi sai lầm của anh D, nhưng anh D vẫn không thay đổi, vẫn có quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, anh D còn nhiều lần đánh chị. Tháng 5/2017 anh D về nhà ở Q, A, N, Hải Dương sống, còn chị vẫn ở T, N, N, Hải Dương. Đến nay anh D làm đơn xin ly hôn chị cũng nhất trí.

Về con chung: chị và anh D có hai còn chung là Trần Thế H2, sinh ngày 14/9/1989 và Trần Thế H3, sinh ngày 09/07/1992. Hiện nay cả hai con chung đều

trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh D sẽ tự thỏa thuận giải quyết, nên anh D rút yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung chị nhất trí, chị không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung H, chị Dương Thị T; anh Nguyễn Duy V, chị Đỗ Thị T2; chị Trần Thị H1, anh Bùi Khánh T1: đều xác định có cho anh D vay tiền và nợ tiền vật liệu khi làm nhà, trong vụ án này các anh chị không có yêu cầu độc lập mà do anh D yêu cầu giải quyết các khoản nợ khi vợ chồng anh D ly hôn. Nay anh D rút yêu cầu về giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung với lý do để vợ chồng anh D tự thỏa thuận giải quyết, các anh chị cũng nhất trí việc rút yêu cầu của anh D, anh chị không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Trần Thế D trình bày: Về quan hệ hôn nhân đề nghị giải quyết cho anh ly hôn chị H; Về con chung đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 14 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết 35/2000 của Quốc Hội, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, xử không công nhân quan hệ vợ chồng giữa anh D, chị H. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tài sản chung, nợ chung. Về án phí: anh D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Bị đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung H, chị Dương Thị T; anh Nguyễn Duy V chị Đỗ Thị T2; chị Trần Thị H1, anh Bùi Khánh T1 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập, đều có đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ

khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 9/11/1988, sau đó về chung sống cùng nhau, nhưng kể từ thời điểm đó đến nay anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình anh chị chung sống phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 5/2017, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo anh D trình bày là vì anh chị bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế và nợ nần tiền làm nhà; theo chị H trình bày nguyên nhân là do thời gian chị đi lao động ở nước ngoài anh Dở nhà không tu chí làm ăn, chơi bời, có quan hệ bất chính với người khác. Đến nay anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. HĐXX xét thấy anh D, chị Hchung sống như vợ chồng từ năm 1988, không đăng ký kết hôn, căn cứ quy định tại b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, căn cứ khoản vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Vì vậy, không công nhận anh Trần Thế D chị Nguyên Thị H là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Anh D, chị H có hai con chung là Trần Thế H2, sinh ngày 14/9/1989 và Trần Thế H3, sinh ngày 09/07/1992. Hiện nay cả hai con chung đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện anh Trần Thế D yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của anh và chị H bao gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 251 tờ bản đồ số 04, địa chỉ T, N, N, Hải Dương, tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 3 tầng. Các khoản nợ chung gồm: Nợ tiền sơn của anh Nguyễn Huy V, chị Đỗ Thị T2 số tiền 40.000.000đ, nợ anh Trần Trung H, chị Dương Thị T số tiền 100.000.000đ, nợ chị Trần Thị H1, anh Bùi Khánh T1 số tiền 35.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án ngày 13/6/2019 anh D đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung H, chị Dương Thị T; anh Nguyễn Duy V chị Đỗ Thị T2; chị Trần Thị H1, anh Bùi Khánh T1 nhất trí việc rút yêu cầu của anh D, không ai có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Anh Trần Thế D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, hoàn trả anh D tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Trần Thế D đối với yêu cầu về phân chia tài sản chung, nợ chung.

2. Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận anh Trần Thế D và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng

3. Án phí: Anh Trần Thế D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.300.000đ, hoàn trả anh D 26.000.000đ theo biên lai số AA/2017/0004514 ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Nguyên đơn có kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy